

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Công Hòa.

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê A, sinh năm 1976; *nơi cư trú:* Số A1, đường B, thôn C, xã ĐH, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Chị Hồ Thị N, sinh năm 1986; *nơi đăng ký HKTT:* Số A2, đường số B1, thôn C1, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; *nơi cư trú:* Số A3, NH, phường PLA, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa có mặt anh A, vắng mặt chị N (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/5/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2022, bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê A trình bày: Anh và chị Hồ Thị N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ĐT,

huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không thể dung hòa về mặt tình cảm cũng như kinh tế nên mâu thuẫn phát sinh kéo dài. Do chung sống không có hạnh phúc nên anh và chị N đã sống ly thân được khoảng 09 năm. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hồ Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hồ Ngọc N1, sinh ngày 07/10/2010. Từ ngày vợ chồng sống ly thân đến nay, về con chung do anh trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Nay ly hôn thì anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu N1; không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày, đơn xin xét xử vắng mặt đều lập ngày 24/5/2022 có trong hồ sơ vụ án, bị đơn chị Hồ Thị N trình bày: Chị và anh Lê A là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Chị và anh A đã sống ly thân khoảng 09 năm nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau và đồng ý ly hôn theo đơn yêu cầu của anh Lê A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hồ Ngọc N1, sinh ngày 07/10/2010. Từ ngày sống ly thân đến nay, về con chung do anh A nuôi dưỡng, giáo dục. Nay ly hôn thì chị đồng ý giao con chung cho anh A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn chị Hồ Thị N không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Hồ Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 24/5/2022. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và theo giấy chứng nhận kết hôn số 73/2009, quyền số 01 cấp ngày 07/7/2009 của Ủy ban nhân dân thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Thấy rằng, hôn nhân giữa anh Lê A và chị Hồ Thị N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Xét thấy, trong khoảng thời gian dài sống ly thân, giữa anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay anh A và chị N đều xác định mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh A là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh Lê A và chị Hồ Thị N khai thống nhất là vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hồ Ngọc N1, sinh ngày 07/10/2010. Nay anh A có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, cháu N1 có nguyện vọng được ở với ba, hơn nữa chị N cũng đồng ý giao con chung cho anh A nuôi dưỡng, giáo dục. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, giao cháu Ngọc N1 cho anh A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Hiện cháu Ngọc N1 đang sống cùng với anh A.

Anh A không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con nên không phải xem xét trong bản án này. Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh A và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh A là người khởi kiện ly hôn nên anh phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về hôn nhân: Anh Lê A ly hôn chị Hồ Thị N.

2/ Về con chung: Giao cho anh Lê A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Lê Hồ Ngọc N1, sinh ngày 07/10/2010. Chị Hồ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Hiện cháu Ngọc N1 đang sống cùng với anh A.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Anh A và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

4/ Về án phí: Anh Lê A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009254 ngày 17/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Anh A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (21/6/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh,
- Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh,
- UBND thị trấn DT,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Thuận